

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15/8/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán: Ông Mạc Minh Quang.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ, bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà - thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐ-PT ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị H, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn H, phường C, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Th (tên gọi khác Bùi Xuân T), sinh năm 1979

Nơi đăng ký trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã H, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T (tên gọi khác là Bùi Xuân T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã L vào ngày 19/9/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh T ở thôn P, xã H, thị xã L được khoảng 03 năm thì vợ chồng sống riêng và ở khu dân cư H, C, thị xã L. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau do anh T không quan tâm đến vợ con gia đình. Đến khoảng tháng 3 năm 2013 sau khi vợ chồng bàn bạc thì chị đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh chị vẫn

liên lạc và hàng tháng chị đều gửi tiền về cho anh T chi tiêu sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên, anh T ở nhà không chịu khó làm ăn, cờ bạc. Chị khuyên bảo nhiều lần anh không nghe nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Đến tháng 7 năm 2015, anh T đi lao động tại Đài Loan chị không hề hay biết. Khi ở Đài Loan, vợ chồng có gặp nhau một lần sau đó không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Tháng 7 năm 2017, chị về Việt Nam ở hẳn còn hiện nay anh T vẫn ở Đài Loan, chị đã liên lạc với anh T mục đích để hàn gắn tình cảm nhưng anh T không đồng ý. Vì vậy, chị xác định vợ chồng chị không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Xuân M, sinh ngày 04/11/2002 và Bùi Mạnh G, sinh ngày 26/9/2009. Hiện hai con đang ở cùng chị H. Quan điểm của chị H là xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có.

* *Về phía bị đơn*: Anh Bùi Văn T (tên gọi khác là Bùi Xuân T), Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Văn phòng kinh tế Đài Bắc của Việt Nam tại Đài Loan. Đến ngày 14/6/2018, Tòa án đã nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp do anh T gửi qua đường bưu điện về cho Tòa án, trong đó có văn bản thể hiện Văn phòng Kinh tế- Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu kèm theo cho anh T. Tại mặt sau của Giấy triệu tập anh T có quan điểm giải quyết vụ án là mong Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, về con chung đồng ý cho chị H nuôi dưỡng cả và không có ý kiến gì.

* Ngày 12/12/2017, Tòa án đã nhận được công văn số 15868/A72-P4 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an thể hiện ngày 12/7/2015 anh T xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị H có ý kiến xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T; về con chung: giao cho chị H nuôi dưỡng cả hai con chung và chấp nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ

chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Còn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng anh đều vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2001 do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo lời trình bày của chị H thì sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T không quan tâm đến vợ con, cờ bạc và không chịu làm ăn. Vì vậy, sau khi anh chị đều đi lao động tại Đài Loan, hai người có gặp nhau một lần nhưng sau đó đã không liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Đến Tháng 7 năm 2017, khi chị H về Việt Nam ở hẳn, chị đã liên lạc với anh T mục đích để hàn gắn tình cảm nhưng anh T không đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn của chị H anh T đã kéo dài nhiều năm nay, mức độ đã trầm trọng và không thể hàn gắn được tình cảm. Nay chị H xin ly hôn với anh T và anh T nhất trí. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Xuân M, sinh ngày 04/11/2002 và Bùi Mạnh G, sinh ngày 26/9/2009. Hiện hai con đang ở cùng chị H. Chị H và anh T đều thống nhất là để chị H nuôi cả hai con. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có ý kiến gì. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết đối với quan hệ này.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí thực hiện việc ủy thác tố tụng, chị H tự nguyện chịu cả và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 474, 477, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Bùi Văn T (tên gọi khác là Bùi Xuân T).

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Bùi Thị H được nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Xuân M, sinh ngày 04/11/2002 và Bùi Mạnh G, sinh ngày 26/9/2009 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002390 ngày 13/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mạc Minh Quang